

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/LĐ-ST

Ngày: 31-7-2024

V/v: Tranh chấp về hợp đồng
lao động.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Phương và ông Lê Văn Công;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 96/2024/TLST-LĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng lao động, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-LĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Kim N, sinh năm 1988; nơi đăng ký thường trú: Khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ: B, Đại lộ B, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; người đại diện hợp pháp: Ông Phan Hoài L, sinh năm 2000 (Giấy ủy quyền số 43/2024/DDI-THP/CQNN ngày 24/5/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bảo hiểm xã hội thành phố T; trụ sở: Đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bà Trần Thị L1, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/02/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Kim N trình bày:

Do có nhu cầu rút bảo hiểm xã hội một lần nên vào tháng 8 năm 2023 bà N có liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố T để rút bảo hiểm xã hội thì được thông báo có thời gian bị trùng bảo hiểm xã hội thời điểm từ tháng 5 năm 2009 đến tháng 5 năm 2010 tại Công ty TNHH T. Tuy nhiên, thực tế thời gian trên bà N đang làm việc tại Công ty

khác cũng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Trong thời gian này, bà N có cho bà Trần Thị L1 mượn chứng minh nhân dân của bà N để ký hợp đồng, làm việc tại Công ty TNHH Tân Hiệp Phát

Nay bà N yêu cầu toà án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Trần Kim N (do bà Trần Thị L1 là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH T trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2009 đến tháng 5 năm 2010 là vô hiệu toàn bộ, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại văn bản ý kiến của người bị kiện ngày 12/7/2024, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Công ty TNHH T có ký hợp đồng lao động với người lao động có tên Trần Kim N, sinh ngày 06/10/1988, số chứng minh nhân dân 381325189 vào tháng 11/2008 có thời hạn 01 năm, công việc là công nhân. Tại thời điểm ký hợp đồng, Công ty không biết việc người lao động sử dụng giấy tờ của người khác để giao kết hợp đồng lao động với công ty. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định của pháp luật. Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và vi phạm nguyên tắc cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L1 trình bày:

Do chưa đủ tuổi để ký hợp đồng lao động nên bà L1 có mượn chứng minh nhân dân của bà Trần Kim N để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T. Vì vậy, tên bà Trần Kim N trong cùng một thời gian có đóng bảo hiểm xã hội tại hai công ty khác nhau. Nay bà Trần Kim N yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Kim N (do bà L1 ký) với Công ty TNHH T là vô hiệu thì bà L1 thống nhất, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày: Công ty TNHH T có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp cho bà Trần Kim N, sinh ngày 06/10/1988, số chứng minh nhân dân 381325189, số sổ BHXH 7409095625 từ tháng 5 năm 2009 đến tháng 5 năm 2010, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà **Trần Kim N** khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên **Trần Kim N** (do bà **Trần Thị L1** là người ký kết) với người sử dụng lao động là **Công ty TNHH T** trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2009 đến tháng 5 năm 2010 là vô hiệu toàn bộ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng lao động được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn **Công ty TNHH T** có địa chỉ trụ sở tại **phường V, thành phố T**. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[4] Về nội dung tranh chấp: Bà **Trần Kim N** yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa bà **Trần Kim N** (Do bà **Trần Thị L1** mượn chứng minh nhân dân của bà **N**) ký với **Công ty T** trong khoảng thời gian từ tháng 5/2009 đến tháng 5/2010 là vô hiệu. Sau khi khởi kiện, bà **N** và các đương sự khác không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là bản Hợp đồng lao động. Tuy nhiên, các đương sự đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng và **Công ty T** có thực hiện nộp các khoản bảo hiểm xã hội cho người có tên **Trần Kim N** trong khoảng thời gian này. Do đó, sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà **Trần Thị L1** dùng nhân thân của bà **Trần Kim N** để giao kết hợp đồng lao động với là **Công ty TNHH T** từ tháng 5 năm 2009 đến tháng 5 năm 2010, được công ty tham gia BHXH được thể hiện đầy đủ tại sổ bảo hiểm xã hội số 7409095625. Theo Công văn số 450/CV-BHXH ngày 28/5/2024 của **BHXH thành phố T**, trong khoảng thời gian nêu trên bà **Trần Kim N** đang làm việc và đóng bảo hiểm xã hội tại **Công ty TNHH M**. Việc bà **L1** sử dụng thông tin trong chứng minh nhân dân của bà **N** để giao kết hợp đồng lao động với **Công ty TNHH T** là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 17 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015) xét thấy, yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động người lao động tên **Trần Kim N** và **Công ty TNHH T** từ tháng 5 năm 2009 đến tháng 5 năm 2010 là có cơ sở chấp nhận.

Do đương sự chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và không có yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu; bà **Trần Thị L1** không có yêu cầu gì với quyền lợi của mình nên không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn **Công ty TNHH T** phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự);

- Các Điều 17, 50, 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 1994 (Các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Kim N** về việc tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn **Công ty TNHH T**.

Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa người lao động có tên **Trần Kim N** (Do bà **Trần Thị L1** ký kết) với **Công ty TNHH T** từ tháng 5 năm 2009 đến tháng 5 năm 2010 bị vô hiệu.

2. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội **thành phố T** thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà **Trần Kim N** theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: **Công ty TNHH T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà **Trần Kim N** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004704 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Trọng Quân